

Số: 10/2026/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 16 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HƯNG YÊN**

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

Chị **Phó Thị Phương N**, sinh năm 1996

HKTT/Địa chỉ: Thôn Tân Lợi, xã Mỹ Sở, tỉnh Hưng Yên

Anh **Trần Đình Đ**, sinh năm 1986

HKTT/Địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Hưng Yên

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Cháu **Trần Minh L**, sinh ngày 11/9/2022

HKTT/Địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Hưng Yên

Người đại diện theo pháp luật của cháu **Trần Minh L** là chị **Phó Thị Phương N** (mẹ đẻ cháu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trần Đình Đ** và chị **Phó Thị Phương N** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên (nay là UBND xã M, tỉnh Hưng Yên) ngày 29/12/2020, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc bình thường được đến khoảng năm 2023 thì bắt đầu nảy sinh những bất đồng về quan điểm sống và cách giải quyết các vấn đề trong gia đình. Những mâu thuẫn ban đầu tuy nhỏ nhưng dần dần tích tụ thành những bất hòa lớn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không có sự đồng cảm và không có tiếng nói chung. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên nhưng không có kết quả. Đến tháng 05/2025, anh chị quyết

định ly thân. Từ đó đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người sống riêng, không đoàn tụ được. Nay anh chị cùng xác định tình cảm vợ chồng đã hoàn toàn phai nhạt, không còn khả năng phục hồi và đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Đ và chị N đã trầm trọng, vợ chồng ly thân và không còn quan tâm gì đến nhau. Điều đó chứng tỏ anh chị chung sống với nhau không có hạnh phúc, hôn nhân trên thực tế đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh chị có căn cứ và phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị N.

[2] Về con chung: Anh Trần Đình Đ và chị Phó Thị Phương N cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Minh L, sinh ngày 11/9/2022.

Nay ly hôn, anh Đ và chị N cùng thống nhất thỏa thuận:

Chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Minh L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ và chị N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Xét thấy việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn của anh Đ và chị N là tự nguyện, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của mỗi bên, phù hợp với quy định tại điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện này.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất ruộng nông nghiệp: Anh Đ và chị N cùng thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Đ và chị N thỏa thuận thống nhất để anh Đ nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật nên sẽ chấp nhận sự thỏa thuận này của anh chị.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08/01/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Đình Đ và chị Phó Thị Phương N đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Anh Đ và chị N cùng xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Minh L, sinh ngày 11/9/2022. Nay ly hôn, anh Đ và chị N thỏa thuận

thống nhất: Chị N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Minh L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ và chị N thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức và đất ruộng nông nghiệp: Anh Trần Đình Đ và chị Phó Thị Phương N đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí:

Hai bên thống nhất thỏa thuận để anh Đ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004007 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Anh Đ đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND, THADS tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND khu vực 4 - Hưng Yên;
- UBND xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên (nay là: UBND xã Mỹ Sở, tỉnh Hưng Yên) - (ĐKKH số 38 ngày 29/12/2020);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Huấn